

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 717 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 21 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư khai thác mỏ đất san lấp tại cồn Tượng,
xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của: Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đất san lấp tại Cồn Tượng, xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương tại Báo cáo kết quả thẩm định ngày 24/12/2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đất san lấp tại cồn Tượng, xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 03/CV-MT ngày 23/01/2022 của Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng và xây dựng công trình Long Phúc Thịnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1447/STNMT-BVMT ngày 17/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đất san lấp tại cồn Tượng, xã Thanh Khai, huyện Thanh

Chương, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng và xây dựng công trình Long Phúc Thịnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Thanh Chương, Chủ tịch UBND xã Thanh Khai, Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng và xây dựng công trình Long Phúc Thịnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 4.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ KHAI THÁC MỎ ĐẤT SAN LẤP CỒN TƯỢNG, XÃ THANH
KHAI, HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN.

(Kèm theo Quyết định số: 717 /QĐ-UBND ngày 21/ 3 /2022
của UBND tỉnh Nghệ An)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án

Đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Cồn Tượng, xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

1.2. Chủ dự án

- Chủ dự án: Công ty CP Phát triển năng lượng và xây dựng công trình Long Phúc Thịnh.

- Địa chỉ: số 8, ngõ 125 đường Nguyễn Trường Tộ, khối Mỹ Khánh, phường Đông Vinh, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Điện thoại: 0976 222 333.

- Người đại diện: ông Hoàng Anh Phúc - Chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm và phạm vi thực hiện dự án

Khu vực mỏ thuộc địa phận Cồn Tượng, xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An được UBND tỉnh công nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 13/5/2021, các phía tiếp giáp của dự án như sau:

- Phía Tây Bắc và Đông Bắc tiếp giáp với đường đất vào mỏ và đất màu của các hộ dân xóm Tân Phong xã Thanh Khai.

- Phía Đông Nam tiếp giáp với đất rừng sản xuất các hộ dân xóm Tân Phong, xã Thanh Khai.

- Phía Tây Nam tiếp giáp với đất rừng sản xuất hộ ông Ngô Xuân Vượng.

1.4. Quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án

1.4.1. Quy mô dự án

a. Diện tích dự án

Tổng mặt bằng Dự án: 8,0ha. Trong đó: diện tích mỏ: 8,0ha; diện tích hồ lắng: 0,05ha (bố trí trong mỏ), diện tích khu văn phòng: 0,05ha (bố trí trong mỏ), diện tích bãi thải: 0,18ha (bố trí trong mỏ).

b. Trữ lượng mỏ

Quyết định số 4472/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đất san lấp Cồn Tượng, xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, tổng trữ lượng địa chất cấp 122 của khu vực dự án là $1.920.757\text{m}^3$, trữ lượng khai thác là $1.795.482\text{m}^3$ tính đến mức $\text{cosd} +15\text{m}$.

1.4.2. Công suất, tuổi thọ mỏ

- Công suất khai thác: 170.000 m^3 đất nguyên khai/năm (tương đương 130.769 đất nguyên khối/năm).

- Tuổi thọ của mỏ: 15 năm (kể cả thời gian xây dựng cơ bản và cải tạo, phục hồi môi trường).

1.4.3. Công nghệ khai thác

Dự án áp dụng hệ thống khai thác khâu theo lớp bằng, vận tải trực tiếp bằng ô tô tự đổ, với chiều cao tầng khai thác 5m.

1.4.4. Trình tự khai thác

Trình tự khai thác từ trên xuống dưới, chiều cao tầng khai thác $H = 5\text{m}$, chiều cao tầng kết thúc khai thác 5m; đến $\text{cosd} +15\text{m}$. Sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược.

1.4.5. Các hạng mục, công trình chính

- Mở đường ô tô lên khai trường chiều dài 335m; chiều rộng mặt đường 6m.

- Tạo mặt bằng khai thác đầu tiên: bạt định xuống $\text{cosd} +70\text{m}$ tạo diện khai thác đầu tiên, với diện tích là 1.800m^2 .

1.4.6. Các hạng mục, công trình phụ trợ

- Khu phụ trợ của dự án có diện tích là 500m^2 (kích thước: $25\text{m} \times 20\text{m}$) được bố trí trong mỏ tại mốc số 1. Khu nhà điều hành kiêm nhà bảo vệ làm bằng nhà container.

- Lắp đặt 01 trạm cân điện tử (kích thước: $3\text{m} \times 8\text{m}$) trên tuyến đường vào mỏ đoạn trước khu nhà điều hành mỏ. Bố trí loại cân điện tử Mettler Toledo nhập khẩu từ Mỹ có mức cân tối đa 30 tấn.

1.4.7. Các công trình bảo vệ môi trường

a. Công trình thu gom, xử lý và thoát nước mưa chảy tràn

- Đào mương thu nước dọc theo khai trường: chiều dài 1.056m, bề rộng mặt 1,0m, đáy 0,5m, chiều sâu 0,5m; vị trí mương nằm ở dọc các tuyến biên thu nước mưa chảy tràn toàn bộ khu vực mỏ.

- Đào hố lắng xử lý nước mưa chảy tràn (bố trí trong mỏ):

+ Hố lắng 1: $20\text{m} \times 15\text{m} \times 2\text{m}$ (bố trí gần mốc số 2);

+ Hố lắng 2: $10\text{m} \times 20\text{m} \times 2\text{m}$ (bố trí gần mốc số 4).

b. Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt

Bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu văn phòng để phục vụ sinh hoạt của công nhân.

c. Công trình giảm thiểu bụi

Thiết kế, xây dựng 01 cầu rửa lốp xe kết cấu bằng bê tông xi măng có chiều dài 12m, rộng 6m, chiều sâu 0,3m để rửa sạch bánh xe, hệ thống bơm vòi xịt rửa thành xe trước khi ra khỏi mỏ. Cầu rửa lốp xe được đặt trên đường vận chuyển trong khu vực mỏ tại góc số 1.

d. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải vệ sinh xe

Xây dựng 01 hồ lắng có thể tích $6m^3$ và 01 hồ thu nước có thể tích $1m^3$ đặt cạnh cầu rửa lốp xe để xử lý nước thải xịt rửa xe.

e. Lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

- Xây dựng kho lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại, lắp đặt biển báo niêm yết khu lưu giữ chất thải nguy hại. Kho lưu giữ chất thải nguy hại được đặt trong khu phụ trợ của mỏ, diện tích kho chất thải nguy hại là $10m^2$ và được quay tôn có mái che.

- Lắp đặt 02 thùng composite thể tích 120 lít có nắp đậy để lưu giữ và quản lý trong kho chất thải nguy hại.

f. Vị trí tập kết chất thải sinh hoạt

Lắp đặt 02 thùng composite thể tích 120 lít có nắp đậy tại khu nhà văn phòng để thu gom, phân loại rác, hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương để thu gom xử lý theo đúng quy định.

g. Bãi thải

Trong 5 năm đầu với khối lượng đất bóc là $8.651m^3$ sẽ được vận chuyển về bãi thải tạm thời có diện tích $1.800m^2$ được bố trí nằm trong diện tích mỏ và dọc cạnh 1-2 của mỏ.

Từ năm thứ 6 đến khi kết thúc khai thác, phần trung tâm mỏ đáy moong đã đạt đến cosd khai thác nên lượng đất bóc giai đoạn này sẽ được san gạt ngay tại đáy moong phục vụ công tác cải tạo phục hồi môi trường mà không vận chuyển về bãi thải tạm thời.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Bảng 1: Các tác động môi trường chính của dự án

TT	Nguồn phát sinh	Chất thải phát sinh	Đối tượng bị tác động
I	Giai đoạn xây dựng		
1	Thi công xây dựng đường vận chuyển, bạt	- Chất thải rắn thi công.	- Công nhân thi công. - Môi trường không khí, nước,

TT	Nguồn phát sinh	Chất thải phát sinh	Đối tượng bị tác động
	ngọn tạo mặt bằng khai thác đầu tiên	- Bụi, khí thải.	đất và cảnh quan khu vực dự án.
2	Hoạt động của các phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển	- Bụi, khí thải. - Dè lau dính dầu mỡ,...	- Công nhân thi công tại dự án. - Môi trường không khí, nước, đất và cảnh quan khu vực dự án.
3	Sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công	- Chất thải rắn sinh hoạt. - Nước thải sinh hoạt.	- Công nhân tại dự án - Môi trường không khí, nước, đất và cảnh quan xung quanh khu vực dự án.
4	Nước mưa chảy tràn	Đất, đá, chất thải rắn cuốn theo từ khai trường	Môi trường đất, nước và cảnh quan xung quanh khu vực dự án.
II Giai đoạn khai thác			
1	Hoạt động bóc xúc đất san lấp	- Bụi, khí thải. - Tiếng ồn, độ rung.	- Công nhân tại dự án. - Môi trường không khí, nước, đất và cảnh quan xung quanh khu vực dự án.
2	Hoạt động của phương tiện vận tải	- Khí thải, bụi; - Chất thải nguy hại. - Tiếng ồn.	- Công nhân tại dự án. - Môi trường không khí, đất, nước khu vực dự án.
3	Sinh hoạt của cán bộ công nhân	- Nước thải sinh hoạt. - CTR sinh hoạt.	Môi trường không khí, đất, nước khu vực dự án.
4	Nước mưa chảy tràn bề mặt	Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, đá, chất rắn lơ lửng	Môi trường nước, đất và cảnh quan xung quanh khu vực dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn xây dựng

a. Nước thải sinh hoạt

- Lượng nước thải phát sinh: 0,384 m³/ngày.
- Thành phần, tính chất: chủ yếu chứa các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

b. Nước mưa chảy tràn

- Lượng phát sinh: 330 m³/h.
- Thành phần, tính chất: cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, cát,...

2.2.2. Giai đoạn khai thác của dự án

a. Nước thải sinh hoạt

- Lượng phát sinh: 0,384 m³/ngày.
- Thành phần, tính chất: chủ yếu chứa các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

b. Nước mưa chảy tràn

- Lượng phát sinh: 330 m³/h.
- Thành phần, tính chất: cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, cát,...

c. Nước phun rửa xe trước khi ra khỏi phạm vi mở

- Lượng phát sinh: phát sinh khoảng 2 m³/ngày.
- Thành phần, tính chất: chứa nhiều chất rắn lơ lửng như đất, cát,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải**2.3.1. Giai đoạn xây dựng**

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san gạt thi công xây dựng.
- Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển.
- Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển vật liệu gồm TSP, SO₂, NO_x, CO, VOC,...

2.3.2. Giai đoạn khai thác của dự án

- Bụi phát sinh do hoạt động đào, xúc bốc đất san lấp.
- Bụi phát sinh do hoạt động vận chuyển.
- Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển sản phẩm gồm TSP, SO₂, NO_x, CO, VOC,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường**2.4.1. Giai đoạn xây dựng****a. Chất thải rắn phát quang**

- Lượng phát sinh: 661 m³.
- Thành phần, tính chất: thân cây bụi, thảm cỏ...

b. Chất thải rắn bóc đất phủ

- Lượng phát sinh: khoảng 862 m³.
- Thành phần, tính chất: đất, rễ cây, mùn thực vật, bờ rời.

c. Chất thải rắn phát sinh trong quá trình đào đắp, san gạt, thi công công trình

- Lượng phát sinh là: 2.656 m³.

- Thành phần, tính chất: đất.

d. Chất thải rắn sinh hoạt

- Lượng phát sinh: 3 kg/ngày.

- Thành phần, tính chất: gồm các chất hữu cơ (chiếm khoảng 55%), giấy vụn các loại, nylon, nhựa, kim loại, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày...

2.4.2. Giai đoạn khai thác

a. Chất thải rắn phát quang

- Lượng phát sinh: 7.569m³.

- Thành phần, tính chất: thân cây bụi nhỏ, thảm cỏ, lau lách ...

b. Chất thải rắn sinh hoạt

- Lượng phát sinh: 3 kg/ngày.

- Thành phần, tính chất: gồm các chất hữu cơ (chiếm khoảng 55%), giấy vụn các loại, nylon, nhựa, kim loại,...

c. Chất thải rắn sản xuất

- Lượng phát sinh: 7.349m³.

- Thành phần, tính chất: đất, rễ cây, mùn thực vật, bờ rời.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn xây dựng

- Lượng phát sinh: 2 kg/tháng.

- Thành phần chất, tính chất: giẻ lau dầu mỡ, bình ắc quy thải, pin, mực đã qua sử dụng...

2.5.2. Giai đoạn khai thác

- Lượng phát sinh: 2 kg/tháng.

- Thành phần, tính chất: giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy thải, bóng đèn neon bị hỏng, pin, mực...

2.6. Quy mô, tính chất của tiếng ồn, độ rung và các tác động khác.

2.6.1. Tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng

- Tiếng ồn: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc thi công xây dựng cơ bản mỏ, phương tiện vận chuyển. Các máy móc khi hoạt động tạo ra tiếng ồn cao, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ công nhân thi công.

- Độ rung: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc thi công, phương tiện vận chuyển.

b. Giai đoạn khai thác

- Tiếng ồn: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc khai thác mỏ, phương tiện vận chuyển. Các máy móc khi hoạt động sẽ tạo ra tiếng ồn cao, ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân dự án và các hộ dân trên đoạn đường vận chuyển từ mỏ ra tới đường Quốc lộ 46.

- Độ rung: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc khai thác mỏ, phương tiện vận chuyển.

2.6.2. Các tác động khác

- Tác động đến hệ sinh thái.
- Tác động đến sức khỏe con người.
- Làm rửa trôi bề mặt, bồi lắng kênh mương.
- Tác động đến hoạt động sản xuất của người dân.
- Tác động đến nghĩa trang.

2.7. Đánh giá tác động tới môi trường do các rủi ro, sự cố

- Sự cố cháy nổ, sét đánh.
- Sự cố sạt lở, trôi trượt đất và sụt lún.
- Sự cố tai nạn lao động.
- Sự cố tai nạn giao thông.
- Sự cố do mưa lớn, bão lụt.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn xây dựng

a. Nước thải sinh hoạt

- Bố trí 01 nhà vệ sinh di động trong khu văn phòng để xử lý nước thải từ hoạt động vệ sinh của công nhân xây dựng.

- Nước thải sinh hoạt từ tắm giặt, vệ sinh... được thu gom dẫn về hố thu kết hợp lắng lọc cát sỏi trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là khe nước tự nhiên cạnh mỏ.

- Với thời gian thi công xây dựng mở mỏ là 2,5 tháng nên kết thúc giai đoạn thi công xây dựng hợp đồng thuê đơn vị có chức năng hút cặn đưa đi xử lý.

b. Nước mưa chảy tràn

- Đào mương thu nước dọc theo khai trường: chiều dài đào mương 1.056m, bề rộng mặt 1m, đáy 0,5m, chiều sâu 0,5m.

- Đào 2 hố lắng trong mỏ để thu gom, lắng cặn xử lý nước mưa chảy tràn khu vực mỏ. Hố lắng 1 nằm ở phía Bắc (mốc số 2), kích thước hố lắng: 20m x 15m x 2m, thể tích 600m³; hố lắng 2 nằm ở phía Nam (mốc số 4), kích thước hố lắng: 10m x 20m x 2m, thể tích 400m³.

- Hố lắng được sử dụng và duy trì suốt quá trình khai thác. Nước mưa chảy tràn khu mỏ sau khi xử lý bởi hố lắng sẽ được thoát ra khe nước tự nhiên và sông Lam bên cạnh mỏ.

Kết thúc xây dựng cơ bản tiến hành nạo vét hố lắng. Tổng khối lượng nạo vét tại các hố lắng trong giai đoạn xây dựng cơ bản là: $V_{dc} = 500m^2/hố \times 0,2m = 200m^3$.

c. Nước thải xịt rửa xe

Xây dựng 01 cầu rửa lốp xe vận chuyển, lắp đặt hệ thống bơm, vòi xịt, đường ống để xịt rửa xe:

- Vị trí xịt rửa xe: cầu rửa lốp xe được đặt trên đường vận chuyển trong khu vực mỏ tại góc số 1.

- Khối lượng nước rửa xe khoảng 2 m³/ngày.

- Khối lượng nước từ cầu rửa được lắng cặn và tái sử dụng liên tục, không phát sinh ra khu vực xung quanh. Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe chủ yếu chứa cặn đất, chất rắn lơ lửng sẽ thu gom vào 01 hố lắng kích thước 2m x 1,5m x 2m và 01 hố thu nước (1m x 1m x 1m).

3.1.2. Giai đoạn khai thác

a. Nước mưa chảy tràn

- Tiếp tục sử dụng hệ thống mương thu gom, hố lắng đã xây dựng giai đoạn xây dựng cơ bản để thu gom, lắng cặn, xử lý nước mưa chảy tràn khu mỏ.

- Thường xuyên gia cố mặt đường nội mỏ, dọn dẹp các chất thải trong khu vực khai trường.

- Trước và trong mùa mưa lũ phải kiểm tra trạng thái taluy đường, bờ moong, hố lắng đề phòng sạt lở, hư hỏng...; các phần hư hỏng phải được sửa chữa kịp thời.

b. Nước thải sinh hoạt

- Tiếp tục sử dụng 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực văn phòng để phục vụ sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn khai thác. Định kỳ xử lý phân cặn bùn lắng trong nhà vệ sinh di động.

- Nước thải sinh hoạt sau khi qua tấm lọc rác, theo mương dẫn qua các hố ga về hố lắng, lắng chung cùng với nước mưa chảy tràn khu mỏ. Vị trí thoát nước thải của dự án sau khi xử lý là khe nước tự nhiên bên cạnh mỏ.

c. Nước thải xịt rửa xe

Nước xịt rửa xe trên tuyến đường vận chuyển được xử lý tương tự quá trình xây dựng cơ bản. Nước xịt rửa xe được lắng cặn và tái sử dụng liên tục, không phát sinh ra khu vực xung quanh. Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe chủ yếu chứa cặn đất, chất rắn lơ lửng sẽ thu gom vào 01 hố lắng (kích thước 2m x 1,5m x 2m) và 01 hố thu nước (kích thước 1m x 1m x 1m). Hố lắng và hố thu nước được bố trí sát với cầu rửa lớp xe.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn xây dựng

- Thi công cuốn chiếu các hạng mục, làm tới đâu gọn tới đó, không làm tới đất trên diện rộng để giảm thiểu diện tích nguồn phát bụi.
- Trang bị đồ bảo hộ lao động.
- Phủ kín xe chuyên chở vật liệu đảm bảo không rơi vãi và đúng trọng tải.
- Kiểm tra thường xuyên và bảo dưỡng định kỳ máy móc để giảm bớt ô nhiễm do khí thải.
- Các phương tiện hạn chế nổ máy trong thời gian dừng chờ bốc xúc vật liệu.
- Thiết kế, xây dựng 01 cầu rửa lớp xe, hệ thống bơm vòi xịt rửa thành xe trước khi ra khỏi mỏ.
- Phun ẩm khai trường, đoạn đường từ mỏ ra tới đường Quốc lộ 46 tần suất 4 lần/ngày vào những ngày thời tiết khô nóng, khối lượng nước khoảng 12m³/ngày; nguồn nước lấy từ sông Lam gần khu vực dự án; nước phun ẩm hầu hết được thấm thấu và bốc hơi hết.

3.2.2. Giai đoạn khai thác

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như áo quần bảo hộ, khẩu trang chống bụi, găng tay... cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc, phương tiện vận tải.
- Các lái xe phải tuân thủ các nội dung yêu cầu về tình trạng kỹ thuật xe, chấp hành đúng những quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.
- Tất cả các loại xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động.
- Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển, không vận chuyển quá trọng tải thiết kế của xe.
- Tiếp tục sử dụng 01 cầu rửa lớp xe kết cấu bằng bê tông xi măng để rửa sạch bánh xe, hệ thống bơm vòi xịt rửa thành xe trước khi ra khỏi dự án; khối lượng nước rửa xe khoảng 2 m³/ngày.

- Phun ẩm khai trường, đoạn đường từ mỏ ra tới đường Quốc lộ 46 tần suất 4 lần/ngày vào những ngày thời tiết khô nóng, khối lượng nước khoảng 12m³/ngày; nguồn nước lấy từ sông Lam gần khu vực dự án; nước phun ẩm hầu hết được thấm thấu và bốc hơi hết.

- Duy tu, bảo dưỡng đường vận chuyên; đối với những vị trí hư hỏng do công ty gây ra phải được khắc phục ngay.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.3.1. Giai đoạn xây dựng

- Sinh khối thực vật phát sinh do phát quang:

+ Thực hiện phát quang thành nhiều đợt, thi công đến đâu tiến hành phát quang đến đó không phát quang tràn lan;

+ Các cây thân gỗ nhỏ cho các hộ dân tận dụng làm củi;

+ Tuyệt đối không sử dụng biện pháp đốt sinh khối phát quang, nhằm tránh xảy ra tình trạng cháy rừng.

- Chất thải rắn đất đá do công tác đào đắp, san gạt: khối lượng đất phát sinh từ các hoạt động làm đường, tạo mặt bằng, đào hố lũng có chất lượng đảm bảo dùng trong công tác san lấp nên được gom thành đống trên bãi bốc xúc sau đó xuất bán làm vật liệu san lấp.

- Chất thải rắn do công tác bóc đất phủ: khối lượng đất phủ được bóc trong quá trình xây dựng cơ bản sẽ được lưu giữ tại bãi thải tạm 0,18ha được bố trí nằm trong diện tích mỏ và dọc cạnh 1-2 của mỏ. Tạo nguồn quỹ đất hữu cơ phục vụ cho hoạt động cải tạo đất giai đoạn phục hồi môi trường mỏ khai thác. Sau khi thực hiện công tác hoàn thổ sẽ hoàn trả lại mặt bằng môi trường ban đầu.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Sử dụng 02 thùng composite có nắp đậy tại khu vực văn phòng để thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt của dự án;

+ Phân loại chất thải sinh hoạt: chất thải có nguồn gốc từ kim loại hoặc nhựa được thu gom bán phế liệu; chất thải khác được thu gom hàng ngày về các thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương thu gom đưa đi xử lý.

3.3.2. Giai đoạn khai thác

- Đối với thực vật phát sinh do phát quang:

+ Phát quang cuốn chiếu, song song trong quá trình khai thác;

+ Các cây thân gỗ nhỏ cho các hộ dân tận dụng làm củi;

+ Tuyệt đối không sử dụng biện pháp đốt sinh khối phát quang, nhằm tránh xảy ra tình trạng cháy rừng.

- Đối với chất thải rắn đất đá thải:

Bố trí bãi thải 0,18ha trong diện tích mỏ và dọc cạnh 1-2 của mỏ để lưu giữ lượng đất bóc trong quá trình khai thác tạo nguồn quỹ đất hữu cơ phục vụ cho hoạt động cải tạo đất giai đoạn phục hồi môi trường mỏ khai thác.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Sử dụng 02 thùng composite có nắp đặt tại container khu nhà văn phòng để thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt tại dự án;

+ Phân loại chất thải sinh hoạt: chất thải có nguồn gốc từ kim loại hoặc nhựa được thu gom bán phế liệu; chất thải khác được thu gom hàng ngày và hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương thu gom đưa đi xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Giai đoạn xây dựng

- Chất thải nguy hại gồm giẻ lau nhiễm dầu, dầu máy thay ra từ các thiết bị và một số chất độc hại khác sẽ được thu gom riêng vào 02 thùng phuy chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo (01 thùng đựng chất thải nguy hại dạng rắn, 01 thùng đựng chất thải nguy hại dạng lỏng) được đặt trong nhà kho có mái che.

- Phân loại, dán mã toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh sau khi thu gom, lưu giữ tại kho chất thải nguy hại.

- Không thực hiện sửa chữa bảo dưỡng máy tại mỏ, nếu có sự cố bắt buộc phải sửa chữa tạm thời tại mỏ khi tiến hành phải trải bạt hứng dầu mỡ rò rỉ, thu gom hết dầu mỡ cặn, giẻ lau dính dầu mỡ về lưu giữ tại kho chất thải nguy hại.

- Quản lý chất thải nguy hại theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.4.2. Giai đoạn khai thác

Tiếp tục sử dụng thùng composite chuyên dụng, kho lưu giữ chất thải nguy hại đã lắp đặt ở giai đoạn xây dựng cơ bản và thực hiện các biện pháp giảm thiểu như đã trình bày tại mục 3.4.1.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.5.1. Tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng

- Sử dụng các loại máy móc đúng công suất nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển.

- Trang bị đồ bảo hộ lao động, lắp đặt thông báo quy định rõ về thời gian làm việc.

b. Giai đoạn khai thác

- Sử dụng các loại máy móc đúng công suất nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển.

- Trang bị đồ bảo hộ lao động, lắp đặt thông báo quy định rõ về thời gian làm việc.

3.5.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khác

- Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái.

- Giảm thiểu tác động đến sức khỏe con người.

- Giảm thiểu tác động rửa trôi bề mặt, bồi lắng kênh mương.

- Giảm thiểu tác động đến hoạt động sản xuất của người dân.

- Giảm thiểu tác động đến nghĩa trang.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường Dự án

3.6.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Cải tạo, phục hồi môi trường khai trường khai thác

- San gạt tạo mặt bằng, phủ đất trồng cây khai trường kết thúc khai thác:

+ Mỏ đất sẽ không được khai thác hết phần đất mà sẽ được để lại phần đất dày 0,7m trên đáy moong. Vì vậy, sau khi kết thúc khai thác tiến hành phủ lớp đất màu dày 0,3m trên toàn bộ diện tích đáy moong và đai bảo vệ. Tổng diện tích đáy moong và đai bảo vệ kết thúc khai thác là: $65.175\text{m}^2 + 5.930\text{m}^2 = 71.105\text{m}^2$. Khối lượng đất màu cần bổ sung: $71.105\text{m}^2 \times 0,3\text{m} = 21.332\text{m}^3$ (bao gồm 16.000m^3 đất bóc phong hóa và 5.332m^3 đất mua ngoài);

+ Sau khi đổ đất màu tiến hành san gạt tạo mặt bằng trồng cây keo trên diện tích đáy moong kết thúc khai thác và trồng cỏ trên diện tích đai bảo vệ;

- + Thời gian thực hiện: Cải tạo phân kỳ, cuốn chiếu.

- Trồng cây trên diện tích moong khi kết thúc khai thác:

+ Tiến hành trồng cây keo trên diện tích đáy moong kết thúc khai thác. Mật độ trồng 2.500 cây/ha, mật độ trồng dặm 40% (1.000 cây/ha). Tổng diện tích trồng cây trên toàn bộ bề mặt đáy moong sau khi kết thúc khai thác là: 6,5179 ha;

- + Thời gian thực hiện: Kết thúc quá trình khai thác.

- Trồng cỏ trên diện tích đai bảo vệ khi kết thúc khai thác

+ Tiến hành trồng cỏ trên diện tích đai bảo vệ kết thúc khai thác. Tổng diện tích trồng cỏ trên toàn bộ bề mặt đai bảo vệ sau khi kết thúc khai thác là: 0,5930 ha;

+ Thời gian thực hiện: Kết thúc quá trình khai thác.

- Gieo hạt cỏ trên sườn tầng khai thác:

+ Diện tích sườn tầng là 0,8895ha, sau khi kết thúc khai thác sẽ tiến hành gieo hạt cỏ trên sườn tầng khai thác;

+ Thời gian thực hiện: kết thúc quá trình khai thác.

b. Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực xung quanh khai trường

- Lập biển báo nguy hiểm:

+ Chiều dài bờ moong tạo độ cao là 945m, trung bình 100m đặt 01 biển báo, tổng số biển báo cần lắp đặt là 9 biển báo. Biển báo hình chữ nhật kích thước 0,6m x 1m có ghi chữ "Moong sâu nguy hiểm" màu đen, cột biển báo được làm bằng bê tông cốt thép (chiều cao cột 2,7m);

+ Thời gian thực hiện: trong quá trình khai thác.

- Dựng hàng rào dây thép gai:

+ Các dây thép gai phương ngang được buộc vào giữa 2 cột (các cột của biển báo), khoảng cách 25cm, dây thép chiều dọc song song với cột bê tông khoảng cách 25cm được liên kết với dây thép ngang bằng cách dùng dây thép để buộc lại. Khối lượng 945m² lưới dây thép gai. Tiến hành đóng 189 trụ bê tông xen kẽ giữa các biển báo, khoảng cách giữa các cột trụ là 5m với chiều cao mỗi cột là 1,7m;

+ Thời gian thực hiện: kết thúc khai thác đến đâu, cải tạo đến đó.

c. Cải tạo, phục hồi môi trường khu vực bãi thải

- Bãi thải có diện tích là 1.800m² được bố trí trong mỏ và chứa trong 5 năm đầu tiên của quá trình khai thác. Kết thúc năm thứ 10, phần đất bóc tập kết tại bãi thải sẽ được san sạt tại phần đáy moong đã kết thúc khai thác. Từ năm thứ 11 đến năm 14 sẽ tiến hành khai thác đất khu vực bãi thải tạm thời và khu vực còn lại chưa khai thác của mỏ.

- Thời gian thực hiện: trong quá trình khai thác.

d. Công tác cải tạo phục hồi môi trường khu phụ trợ phục vụ khai thác

- Tháo dỡ công trình khu nhà phụ trợ được làm từ container.

- Di dời trạm cân.

- Tháo dỡ và di dời kho chất thải nguy hại, nhà vệ sinh di động.

- Lắp hố lắng nước mưa chảy tràn tại khu vực mỏ và hố thu, hố lắng tại khu vực bẫy nước.

- Trám lấp giếng khoan theo đúng quy định.
- Thời gian thực hiện: kết thúc khai thác.

e. Cải tạo khu vực xung quanh không thuộc diện tích được cấp phép của mỏ nhưng bị thiệt hại do các hoạt động khai thác khoáng sản

- Duy tu bảo dưỡng đoạn đường vận chuyển ngoài mỏ với chiều dài 2.000m, chiều rộng đường mặt đường 6m nhằm đảm bảo thuận tiện trong vận chuyển và an toàn giao thông. Diện tích cải tạo đường vận chuyển khoảng 40% diện tích toàn đường.

- Thời gian thực hiện: kết thúc khai thác.

3.6.2. Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ

- Tổng số tiền phải ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường Dự án là: 1.233.039.002 đồng.

- Số lần ký quỹ 15 lần, cụ thể:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 246.607.800 đồng;

+ Số tiền ký quỹ lần thứ 2 đến lần thứ 15, mỗi lần ký quỹ với số tiền: 70.459.372 đồng (chưa bao gồm yếu tố trượt giá).

- Thời điểm ký quỹ: lần đầu thực hiện trước khi đăng ký xây dựng cơ bản mỏ 30 ngày. Từ lần thứ hai trở đi sẽ thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường Nghệ An.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

** Sự cố cháy nổ, sét đánh:*

- Bố trí bình chữa cháy lắp đặt trong cabin để thuận tiện cho việc chữa cháy kịp thời trên các máy móc khai thác mỏ.

- Bố trí xe bồn 5m³ thường xuyên và liên tục trên công trường để đề phòng trường hợp có cháy xảy ra.

- Xây dựng các phương án và nội quy an toàn về phòng chống cháy nổ. Tập huấn cho công nhân nắm vững phương pháp phòng cháy chữa cháy, xử lý sự cố.

- Thường xuyên tuyên truyền phổ biến các văn bản, tiêu chuẩn quy phạm, kiến thức về phòng cháy chữa cháy cho công nhân biết để thực hiện.

- Biện pháp phòng chống cháy rừng được thực hiện trong suốt quá trình khai thác mỏ như sau:

+ Nghiêm cấm công nhân trên công trường mỏ không được hút thuốc, vứt tàn thuốc bừa bãi trên khu vực;

+ Đề ra các quy chế bắt buộc áp dụng và xử lý nghiêm khắc đối với công nhân trong công tác phòng chống cháy rừng. Phối hợp với UBND xã Thanh Khai lắp đặt các biển báo cấm lửa tại các điểm giáp ranh giữa vườn dân với khu vực khai thác;

+ Chủ dự án có trách nhiệm về phòng cháy, chữa cháy rừng đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức có hoạt động ở trong rừng, ven rừng theo điều 54, Nghị định 156/2018/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Lâm nghiệp.

** Sự cố sạt lở, trôi trượt đất và sụt lún*

- Khai thác đất theo đúng thiết kế đã được thẩm tra.

- Quá trình khai thác phải tuyệt đối chấp hành nghiêm chỉnh “QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên” do Bộ Công thương ban hành.

- Việc khai thác phải được tiến hành từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới, tạo đường kháng chân tầng,...

- Sau khi mở tuyến hào lên khai thác đỉnh mỏ, tiến hành thi công chuyển tải, đất được máy đào đổ trực tiếp lên ô tô vận chuyển tránh để xảy ra hiện tượng trôi trượt.

- Thường xuyên theo dõi trạng thái ổn định của bờ, tầng khai thác để có biện pháp phòng ngừa sự sạt lở bất ngờ.

- Khi phát hiện bề mặt bờ moong khai thác có dấu hiệu nứt nẻ (có thể do xói mòn) nguy cơ dẫn đến sạt lở bờ thì tiến hành khoanh vùng khu vực và tổ chức đào cắt các vùng nứt nẻ.

- Trường hợp đã xảy ra sự cố sạt lở bờ moong thì dọn dẹp gọn gàng khu vực sạt lở, tổ chức đào bốc lớp đất sạt lở đi tiêu thụ trước khi tiến hành khai thác tiếp tại moong.

- Trong và sau mỗi thời điểm trời mưa lớn, mưa bão cần dừng ngay các hoạt động khai thác. Kiểm tra, đánh giá tình hình trên khu vực để có phương án khai thác đất san lấp và bóc vỉa khu vực khai thác đảm bảo an toàn. Tuân thủ tuyệt đối quy trình khai thác mỏ theo đúng thiết kế mỏ.

** Sự cố tai nạn lao động*

- Khi vận hành máy móc sẽ chịu sự hướng dẫn và giám sát bởi cán bộ kỹ thuật chỉ huy khi làm việc tại hiện trường nhằm bảo đảm an toàn tính mạng và máy móc.

- Thường xuyên kiểm tra sửa chữa, bảo dưỡng để giữ cho máy móc, thiết bị hoạt động tốt và bảo đảm an toàn khi làm việc.

- Công nhân không được tự ý điều khiển thiết bị máy móc trên mỏ mà không phải nhiệm vụ của mình.

- Trước khi cho máy vận hành sẽ yêu cầu những người không có phận sự ra khỏi khu vực bán kính làm việc của mỏ là 5m. Cấm mọi người chui vào gầm máy xúc với bất cứ lý do nào.

- Trước khi khởi động động cơ và các bộ phận máy sẽ bật các tín hiệu đề phòng...

- Thực hiện khai thác theo đúng thiết kế để đảm bảo an toàn trong khai thác và nâng cao năng suất lao động.

- Khi làm việc yêu cầu công nhân mang đầy đủ bảo hộ lao động như: Khẩu trang chống bụi, găng tay, nón bảo hộ, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ,...

- Tất cả lao động trong đơn vị đều phải được tập huấn an toàn lao động và được khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Nhà nước.

- Chủ động nắm bắt tình hình thời tiết, nhất là vào các thời điểm có thời tiết cực đoan để có phương án khai thác và bố trí thời gian khai thác hợp lý.

** Sự cố tai nạn giao thông*

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển đạt tiêu chuẩn của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật.

- Cán bộ vận hành phương tiện vận chuyển phải có trình độ, tay nghề cao và có nhiều năm kinh nghiệm vận chuyển trong lĩnh vực khai thác mỏ.

- Phải có bạt che kín thùng xe, phương tiện đúng tải trọng, không chở quá tải trọng theo quy định hiện hành.

** Sự cố do mưa lớn, bão lụt*

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão nhằm có phương án đối phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra mỏ khai thác, đường vận chuyển nội bộ để có biện pháp phòng chống hiệu quả.

- Phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

- Không tiến hành khai thác trong mùa mưa lũ nhằm tránh lượng đất khai thác bị cuốn trôi bởi hiện tượng lũ lụt.

- Khi có sự cố xảy ra, phối hợp kịp thời chính quyền và nhân dân địa phương xử lý sự cố.

- Không đứng gần vật cao, gần cây, gần xe cộ, máy móc trên công trường để phòng sự cố đổ sập làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng người lao động.

- Chủ động phối hợp với UBND xã Thanh Khai tiến hành kiểm tra khu vực mỏ và khu vực vườn keo xung quanh mỏ trước, trong và sau mỗi thời điểm trời có mưa bão để xác định được thiệt hại có thể xảy ra. Từ đó có biện pháp khắc phục

hiệu quả nhất, tạo thuận lợi cho hoạt động khai thác mỏ đất san lấp, phục vụ cho mục đích phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện Thanh Chương.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Bảng 2: Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án	Yêu cầu vận hành thử nghiệm
1	Hố lắng nước mưa chảy tràn trong khu vực mỏ, tổng thể diện tích 02 hố: 500m ²	Không
2	Mương thu gom nước về hố lắng có chiều dài: 1.056m	Không
3	Bãi thải tạm thời 1.800m ²	Không
4	Nhà vệ sinh di động: 01 nhà	Không
5	Thùng đựng rác thải sinh hoạt: 02 thùng	Không
6	Thùng đựng chất thải nguy hại: 02 thùng	Không
7	Hố lắng, hố thu nước tại điểm xịt rửa bánh xe: tổng thể tích 7m ³	Không
8	Bẫy nước: 10m ²	Không

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

a. Giám sát chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải.
- Giám sát các biện pháp giảm thiểu, thu gom, lưu giữ chất thải.
- Lập sổ theo dõi tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt của dự án khi có chất thải phát sinh.

- Chất thải rắn được thu gom, quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường .

- Tần suất giám sát: hàng ngày

b. Chất thải nguy hại

- Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải.
- Giám sát các biện pháp giảm thiểu, thu gom, lưu giữ chất thải.

- Lập sổ theo dõi tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt của dự án khi có chất thải phát sinh.

- Chất thải nguy hại được thu gom, quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Tần suất giám sát: hàng ngày.

b. Giám sát sự cố môi trường

- Hiện tượng giám sát: sụt lún, sạt lở, bồi lắng.

- Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ.

- Tần suất giám sát: hàng ngày.

c. Giám sát khác

- Nội dung: cháy rừng, điện giật, sét đánh; sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động....

- Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ và các khu vực có liên quan.

- Tần suất: hàng ngày.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn khai thác

a. Khuyến khích giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

- + 01 vị trí trong khu vực khai thác;

- + 01 vị trí trên tuyến đường vận chuyển.

- Các thông số giám sát: độ ồn, bụi lơ lửng.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn so sánh đối với vị trí giám sát tại khu vực khai thác: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT.

- Quy chuẩn so sánh đối với vị trí giám sát trên tuyến đường vận chuyển: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

b. Giám sát chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải.

- Giám sát các biện pháp giảm thiểu, thu gom, lưu giữ chất thải.

- Lập sổ theo dõi tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt của dự án khi có chất thải phát sinh.

- Chất thải rắn được thu gom, quản lý theo đúng quy định tại, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Tần suất giám sát: hàng ngày

c. Chất thải nguy hại

- Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải.

- Giám sát các biện pháp giảm thiểu, thu gom, lưu giữ chất thải.

- Lập sổ theo dõi tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt của dự án khi có chất thải phát sinh.

- Chất thải nguy hại sẽ được thu gom, quản lý theo đúng quy định tại, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Tần suất giám sát: hàng ngày.

d. Giám sát sự cố môi trường

- Hiện tượng giám sát: sụt lún, sạt lở, bồi lắng.

- Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ.

- Tần suất giám sát: hàng ngày.

e. Giám sát khác:

- Nội dung: cháy rừng, điện giật, sét đánh; sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động....

- Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ và các khu vực có liên quan.

- Tần suất: hàng ngày./.